

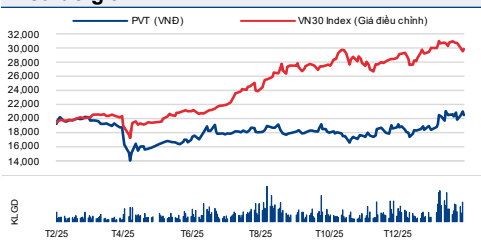
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ21,300
Tiềm năng tăng/giảm: 3.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/1/2026)	20,500
Mã Bloomberg	PVT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,091-21,050
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,613
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,634
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	370
Sig CP lưu hành (tr.đv)	470
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	230
Sig CP NN được mua (tr.đv)	183
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	10.1%
Tỷ lệ freefloat	39.5%
Cổ đông lớn	Petrovietnam Group (51.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	11,732	16,107	17,871
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,737	3,907	4,335
LNTT (tỷ đồng)	1,868	1,601	1,739
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,056	953	1,035
FCF (tỷ đồng)	(1,398)	1,152	2,170
EPS ĐC (đồng)	3,107	2,308	2,203
DPS (đồng)	0	300	300
BVPS (đồng)	21,682	18,454	20,357
T.trưởng EBITDA (%)	34.9	4.56	11.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	7.08	(25.3)	(4.52)
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	31.9	24.3	24.3
Tỷ suất LNTT (%)	15.9	9.94	9.73
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.32	6.16	6.03
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	12.5	13.1
Nợ thuần/VCSH (%)	74.4	73.3	60.7
ROAE (%)	15.0	12.1	11.8
ROACE (%)	12.8	10.2	9.98
EV/doanh thu (lần)	1.11	0.99	0.86
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.48	4.08	3.55
P/E ĐC (lần)	6.60	8.88	9.30
P/B (lần)	0.95	1.11	1.01
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.46	1.46

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập năm 2022 và là thành viên Tập đoàn dầu khí Việt Nam, PVT hiện là doanh nghiệp vận chuyển dầu khí và hóa dầu hàng đầu cả nước

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2025: Lợi nhuận thuần tăng mạnh, vượt xa dự báo

- PVT ghi nhận KQKD Q4/2025 tích cực với doanh thu thuần đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 266 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước). Trong khi doanh thu sát với dự báo, lợi nhuận thuần vượt mạnh 21% so với dự báo nhờ chi phí bán hàng & quản lý thấp hơn kỳ vọng.
- Lũy kế cả năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 16 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 37%) và 1.038 tỷ đồng (giảm 5%), bằng lần lượt 98,7% và 102,3% dự báo cho cả năm của HSC.
- Chúng tôi hiện khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 21.300đ (tiềm năng tăng giá 4%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

Lợi nhuận thuần Q4/2025 tăng mạnh 27% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước, đạt 226 tỷ đồng (cao hơn 21% so với dự báo của HSC) trên doanh thu thuần 4,5 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước). Cụ thể:

Doanh thu thuần: Tăng 37% so với cùng kỳ nhờ mảng thương mại

Doanh thu thuần Q4/2025 tăng 37% so với cùng kỳ và 1% so với quý trước đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ doanh thu mảng thương mại tăng gấp đôi (đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 28% tổng doanh thu thuần trong Q4/2025, so với 13% trong Q4/2024). Lưu ý, doanh thu mảng thương mại đã tăng mạnh kể từ Q2/2025 khi PVT chủ động mở rộng và củng cố quan hệ với các đối tác thương mại, qua đó tạo nền tảng cho hoạt động kinh doanh trong dài hạn.

Trong khi đó, doanh thu mảng vận tải tăng 12% so với cùng kỳ (và 11% so với quý trước) đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, được hỗ trợ bởi việc mở rộng đội tàu (lên 65 tàu vào cuối Q4/2025, so với 58 tàu vào cuối Q4/2024). Theo đó, doanh thu mảng vận tải chiếm 62% tổng doanh thu thuần trong Q4/2025, giảm từ mức 76% trong Q4/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025, PVT

Lợi nhuận thuần Q4/2025 tăng mạnh 27% so với cùng kỳ lên 266 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	2025	Tăng trưởng	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	3,268	4,480	37.1%	1.4%	11,732	16,049	36.8%	98.8%
Lợi nhuận gộp	576	670	16.4%	14.7%	2,444	2,342	-4.2%	
Lợi nhuận tài chính	(72)	(84)	15.3%	61.9%	(267)	(258)	-3.6%	
Chi phí BH&QL	(204)	(182)	-10.9%	25.8%	(505)	(544)	7.7%	
LNTT	362	439	21.2%	0.6%	1,868	1,654	-11.5%	101.1%
Lợi nhuận thuần	209	266	27.3%	1.1%	1,093	1,038	-5.0%	102.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	17.6%	15.0%			20.8%	14.6%		
Chi phí BH&QL /DT	-6.2%	-4.1%			-4.3%	-3.4%		
Ts LNTT	11.1%	9.8%			15.9%	10.3%		
Ts LNT	6.4%	5.9%			9.3%	6.5%		

Nguồn: PVT, HSC

Tỷ suất lợi nhuận gộp: Giảm do cơ cấu sản phẩm

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 giảm 2,7 điểm phần trăm so với quý trước xuống 15%, chủ yếu do tỷ trọng đóng góp cao hơn của mảng thương mại có tỷ suất lợi nhuận thấp. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng vận tải tăng thêm 2,4 điểm phần trăm so với quý trước lên 22,1% trong Q4/2025, từ mức 19,7% trong Q4/2024, nhờ giá cước tàu dầu thô tăng mạnh, qua đó hỗ trợ hoạt động khai thác theo chuyển của PVT. Theo đó, lợi nhuận gộp Q4/2025 tăng 16% so với cùng kỳ đạt 670 tỷ đồng.

Lỗ tài chính và chi phí bán hàng & quản lý hỗ trợ KQKD

Lỗ tài chính Q4/2025 tăng 15% so với cùng kỳ lên 84 tỷ đồng, trong khi chi phí bán hàng & quản lý giảm 11% so với cùng kỳ xuống 182 tỷ đồng (dù tăng 26% so với quý trước). Mặc dù PVT tiếp tục duy trì xu hướng ghi nhận chi phí bán hàng & quản lý cao trong Q4 (chi phí nhân công, bảo dưỡng, v.v.), chi phí thực tế ghi nhận trong Q4/2025 vẫn thấp hơn đáng kể so với ước tính của chúng tôi.

Theo đó, lợi nhuận thuần Q4/2025 vượt mạnh dự báo, đạt 266 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ). Do lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 giảm 13% so với cùng kỳ xuống 772 tỷ đồng, lợi nhuận thuần cả năm 2025 đạt 1.038 tỷ đồng (giảm 5%), bằng 102,3% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu

Cho năm 2026, HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần đạt 1.078 tỷ đồng (tăng trưởng 4%), nhờ đội tàu tiếp tục mở rộng, dù giá cước cho thuê tàu dự kiến giảm ở hầu hết các phân khúc sản phẩm (ngoại trừ LPG).

Ở thị giá hiện tại, PVT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm ở mức 9,3 lần, so với bình quân 4 năm ở mức 8,6 lần. HSC hiện khuyến nghị Nắm giữ với giá mục tiêu 21.300đ (tiềm năng tăng giá 4%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, PVT

Doanh thu thuần Q4/2025 được hỗ trợ nhờ mảng thương mại tăng 200% trong khi doanh thu mảng vận tải tăng 12%

	Q4/24	Q3/25	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	2025	Tăng trưởng
Tổng doanh thu thuần	3,268	4,419	4,480	37.1%	1.4%	11,732	16,041	36.7%
Thương mại	410	1,210	1,233	200.3%	1.9%	1,386	4,492	224.1%
FSO	220	144	143	-34.9%	-0.3%	679	590	-13.2%
Mảng khác	167	563	329	97.2%	-41.5%	461	1,059	129.5%
Vận tải	2,470	2,504	2,775	12.4%	10.8%	9,202	9,900	7.6%
Tỷ trọng								
Thương mại	13%	27%	28%			12%	28%	
FSO	7%	3%	3%			6%	4%	
Mảng khác	5%	13%	7%			4%	7%	
Vận tải	76%	57%	62%			78%	62%	

Nguồn: PVT

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, PVT

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2025 giảm chủ yếu giảm chủ yếu do cơ cấu sản phẩm, trong khi lợi nhuận gộp của mảng vận tải vẫn duy trì đà tăng

	Q4/24	Q3/25	Q4/25	So với cùng kỳ (điểm phần trăm)	So với quý trước (điểm phần trăm)	2024	2025	Tăng trưởng (điểm phần trăm)
Tỷ suất lợi nhuận gộp của PVT	17.6%	13.2%	15.0%	(2.7)	1.7	20.8%	14.6%	(6.2)
Thương mại	1.5%	0.4%	0.4%	(1.1)	(0.0)	3.5%	0.4%	(3.1)
FSO	31.8%	27.4%	21.8%	(10.0)	(5.6)	37.6%	35.7%	(1.9)
Mảng khác	7.1%		6.1%	(1.0)	6.1	7.7%	6.9%	(0.7)
Vận tải	19.7%	21.1%	22.1%	2.4	1.0	22.7%	20.5%	(2.2)

Nguồn: PVT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	9,556	11,732	16,107	17,871	19,202
Lợi nhuận gộp	1,838	2,444	2,307	2,527	2,687
Chi phí BH&QL	(423)	(505)	(547)	(607)	(653)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,415	1,938	1,759	1,920	2,034
Lãi vay thuần	(95.3)	(267)	(243)	(274)	(263)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	26.4	17.0	17.8	18.7	19.7
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	202	180	67.2	74.6	80.2
LNTT	1,549	1,868	1,601	1,739	1,871
Chi phí thuế TNDN	(327)	(399)	(320)	(348)	(374)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(249)	(376)	(288)	(313)	(337)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	972	1,093	993	1,078	1,160
Lợi nhuận thuần ĐC	928	1,056	953	1,035	1,114
EBITDA ĐC	2,769	3,737	3,907	4,335	4,658
EPS (đồng)	3,005	3,217	2,404	2,295	2,469
EPS ĐC (đồng)	2,696	3,107	2,308	2,203	2,370
DPS (đồng)	300	0	300	300	300
Slg CP bình quân (triệu đv)	324	340	413	470	470
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	324	356	470	470	470
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	324	356	470	470	470

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	979	1,152	1,415	2,823	4,245
Đầu tư ngắn hạn	3,486	3,357	4,792	5,317	5,713
Phải thu khách hàng	1,194	1,312	1,930	2,142	2,301
Hàng tồn kho	233	331	423	470	505
Các tài sản ngắn hạn khác	405	496	601	756	812
Tổng tài sản ngắn hạn	6,297	6,648	9,162	11,507	13,576
TSCĐ hữu hình	10,086	12,060	12,590	12,582	12,676
TSCĐ vô hình	2.23	1.85	1.85	1.85	1.85
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	50.7	73.0	53.0	53.0	53.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	155	147	147	147	147
Tài sản dài hạn khác	899	928	985	1,093	1,174
Tổng tài sản dài hạn	11,192	13,210	13,776	13,877	14,052
Tổng cộng tài sản	17,490	19,858	22,938	25,384	27,628
Nợ ngắn hạn	1,388	1,488	1,611	1,787	1,920
Phải trả người bán	794	873	1,198	1,329	1,428
Nợ ngắn hạn khác	1,070	1,152	1,582	1,755	1,886
Tổng nợ ngắn hạn	3,392	3,714	4,667	5,178	5,563
Nợ dài hạn	4,540	5,376	6,121	6,791	7,297
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	64.9	63.3	86.9	96.4	104
Nợ dài hạn khác	462	316	433	481	516
Tổng nợ dài hạn	5,067	5,754	6,641	7,368	7,917
Tổng nợ phải trả	8,460	9,469	11,307	12,546	13,480
Vốn chủ sở hữu	6,811	7,719	8,672	9,567	10,540
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,220	2,670	2,959	3,272	3,608
Tổng vốn chủ sở hữu	9,030	10,389	11,631	12,838	14,148
Tổng nợ phải trả và VCSH	17,490	19,858	22,938	25,384	27,628
BVPS (đ)	21,044	21,682	18,454	20,357	22,428
Nợ thuần/(tiền mặt)	4,949	5,712	6,316	5,755	4,972

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,415	1,938	1,759	1,920	2,034
Khấu hao	(1,354)	(1,799)	(2,148)	(2,415)	(2,624)
Lãi vay thuần	(95.3)	(267)	(243)	(274)	(263)
Thuế TNDN đã nộp	342	299	0	0	0
Thay đổi vốn lưu động	(806)	(746)	(347)	(108)	(81.4)
Khác	(865)	(1,016)	(158)	(180)	(163)
LCT thuần từ HKKD	1,699	2,568	3,829	4,578	4,993
Đầu tư TS dài hạn	(4,186)	(3,966)	(2,678)	(2,408)	(2,718)
Góp vốn & đầu tư	(4,202)	(5,547)	(1,756)	(1,468)	(1,351)
Thanh lý	74.5	306	0	0	0
Khác	3,714	5,890	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(4,600)	(3,317)	(4,433)	(3,876)	(4,069)
Cổ tức trả cho CSH	(172)	(152)	0	(141)	(141)
Thu từ phát hành CP	57.6	141	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,196	927	867	847	639
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,082	916	867	706	498
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,794	979	1,152	1,415	2,823
LCT thuần trong kỳ	(818)	166	263	1,408	1,422
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.85	6.50	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	979	1,152	1,415	2,823	4,245
Dòng tiền tự do	(2,487)	(1,398)	1,152	2,170	2,275

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.2	20.8	14.3	14.1	14.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.0	31.9	24.3	24.3	24.3
Tỷ suất LNT (%)	10.2	9.32	6.16	6.03	6.04
Thuế TNDN hiện hành (%)	21.1	21.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	5.62	22.8	37.3	11.0	7.45
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	14.0	34.9	4.56	11.0	7.45
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	12.8	13.7	(9.73)	8.65	7.58
Tăng trưởng EPS (%)	13.4	7.08	(25.3)	(4.52)	7.58
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	12.8	15.2	(25.7)	(4.52)	7.58
Tăng trưởng DPS (%)	0	(100)	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	9.98	0	12.5	13.1	12.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.2	15.0	12.1	11.8	11.5
ROACE (%)	11.2	12.8	10.2	9.98	9.63
Vòng quay tài sản (lần)	0.60	0.63	0.75	0.74	0.72
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.20	1.32	2.18	2.38	2.45
Số ngày tồn kho	11.0	13.0	11.2	11.2	11.2
Số ngày phải thu	56.5	51.5	51.1	51.0	50.9
Số ngày phải trả	37.6	34.3	31.7	31.6	31.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	73.4	74.4	73.3	60.7	47.7
Nợ/tài sản (%)	34.2	34.7	33.9	34.0	33.6
EBIT/lãi vay (lần)	14.8	7.25	7.23	7.01	7.74
Nợ/EBITDA (lần)	2.16	1.85	1.99	1.99	1.99
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.86	1.79	1.96	2.22	2.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.21	1.11	0.99	0.86	0.76
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.18	3.48	4.08	3.55	3.14
P/E (lần)	6.82	6.37	8.53	8.93	8.30
P/E ĐC (lần)	7.60	6.60	8.88	9.30	8.65
P/B (lần)	0.97	0.95	1.11	1.01	0.91
Lợi suất cổ tức (%)	1.46	0	1.46	1.46	1.46

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn